

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Hằng và ông Lê Hoàng Chuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2022, về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST – HNGĐ ngày 26/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H (*Tên gọi khác Hà Thị H1*), sinh năm: 1990. Đăng ký HKTT: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Người làm chứng: Chị Sâm Thị N - Địa chỉ: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Hà Thị H (H1) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2009 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T bỏ bê gia đình, lao

vào chơi bời, không chịu làm ăn, vì thế vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình hai bên hòa giải, khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vào đầu năm 2021, do hai vợ chồng cãi nhau rất lớn nên chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện V sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không trở về chung sống cùng nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Lương Văn T có 02 con chung là cháu Lương Thị Mai L- sinh ngày 24/9/2009 và cháu Lương Đình V - sinh ngày 11/11/2012. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị tại thôn 5, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu đến khi trưởng thành. Chị không đề nghị anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Hà Thị H xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận chia tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị Hà Thị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lương Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, nhưng anh Lương Văn T từ chối nhận, không đến Tòa án giải quyết, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; không trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh tại Thôn 2 M và Ủy ban nhân dân xã M cho thấy: Chị Hà Thị H (H1) và anh Lương Văn T có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2009. Tuy nhiên đến đầu năm 2021 thì anh chị không chung sống cùng nhau, chị Hươi đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã H để ở, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị Hà Thị H đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Lương Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn

không đến Tòa án giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, không có lý do theo quy định tại khoản 16 Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 2 Điều 228; Khoản 2 Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử lý cho chị Hà Thị H (H1) được ly hôn với anh Lương Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Lương Thị Mai L - Sinh ngày 24/9/2009 và cháu Lương Đình V - Sinh ngày 11/11/2012 cho chị Hà Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Hà Thị H (H1) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lương Văn T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Lương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và những người tham gia tố tụng khác.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H (H1) và anh Lương Văn T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 17/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình, chơi bời, không chịu khó làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, đánh nhau. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh Lương Văn T từ chối nhận các văn bản tố tụng, không giao nộp các tài liệu chứng cứ cũng như nêu ý kiến quan điểm của mình về những yêu cầu, đề nghị của chị H, không tham gia phiên họp công khai các tài liệu

chứng cứ và hòa giải. Điều đó cho thấy anh T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng. Như vậy tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu giải quyết cho vợ chồng được ly hôn của chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Lương Văn T có 02 con chung là cháu Lương Thị Mai L - sinh ngày 24/9/2009 và cháu Lương Đình V - sinh ngày 11/11/2012. Hiện các cháu đang ở cùng chị H. Cháu Lương Thị Mai L và cháu Lương Đình V đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ (Chị H) khi bố mẹ ly hôn. Về thu nhập chị Hà Thị H là lao động tự do tại địa phương ngoài ra còn đi làm thuê có mức thu nhập bình quân khoảng 7 đến 8.000.000đồng/tháng. Căn cứ vào ý kiến nguyện vọng của các cháu và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự ổn định cuộc sống, sự phát triển tâm sinh lý của các cháu. Cần giao cháu L và cháu V cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là cần thiết và phù hợp. Về cấp dưỡng chị H không đề nghị anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 3 điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị H (H1):

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H (H1) được ly hôn với anh Lương Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Lương Thị Mai L - Sinh ngày 24/9/2009 và cháu Lương Đình V - Sinh ngày 11/11/2012 cho chị Hà Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu L, cháu V đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hà Thị H (H1) phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004303 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Hà Thị H (H1) đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lương Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã M (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa